

UBND THÀNH PHỐ HẠ LONG
TRƯỜNG MN TÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Dân, ngày 12 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2023 - 2024.

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: 99 % trở lên.	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: 98% trở lên
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Thực hiện đúng theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành.	- Thực hiện đúng theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- 100% trẻ được đánh giá theo giai đoạn và cuối độ tuổi. - Trẻ nhà trẻ đạt các chỉ số: 90% trở lên.	- 100% trẻ được đánh giá cuối độ tuổi; - Trẻ mẫu giáo đạt các lĩnh vực phát triển: 95% trở lên. - 100% trẻ 5 tuổi đạt Chuẩn phát triển Trẻ em năm tuổi.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Vân

Tân Dân, ngày 12 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế cuối năm
năm học 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng g tuổi	13- 24 tháng g tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	174			53	43	40	38
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	174			53	43	40	38
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	1			0	1	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	174			53	43	40	38
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	174			53	43	40	38
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	174			53	43	40	38
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	172			53	42	39	38
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	2			0	1	1	0

3	Số trẻ có chiều cao bình thường	173			53	42	40	38
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	1			0	1	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	0			0	0	0	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	174			53	43	40	38
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	53			53			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	121				43	40	38

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Vân

UBND THÀNH PHỐ HẠ LONG
TRƯỜNG MN TÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Dân, ngày 12 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2023 - 2024**

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	10	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	10	2,62 m ²
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	3	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	12.657	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	675	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	326	1,7m ²
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	294	15,3m ²
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	211,7	11,1 m ²
4	Diện tích sân chơi (m ²)	422,8	55,6 m ²
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	70	35,5 m ²
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	70,2	70,2 m ²
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	620	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	3872	

2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	427	
VII I	Tổng số đồ chơi ngoài trời	17	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	09	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	10	10/10
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	10	10/10
3	Máy phô tô	1	Dùng chung
4	Đầu Video/đầu đĩa		
5	Bộ loa	1	
6	Thiết bị khác...		

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		8		0,3
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		2		

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	x	

XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XV	Tường rào xây	X	

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Vân

TÀI LIỆU ĐÃ KÝ DUYỆT
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 16:26 01/10/2024
bởi Nguyễn Thị Vân (mmtid_nguyenvan) – Mầm non Tân Dân

UBND THÀNH PHỐ HẠ LONG
TRƯỜNG MN TÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 - 2024**

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	22			18	0	1	3	1	13	3	13	4	0	0
I	Giáo viên	14			14	0	0		1	13	0	10	4	0	0
1	Nhà trẻ	5			5	0	0		1	4		2	3	0	0
2	Mẫu giáo	9			9	0	0		0	9	0	8	1	0	0
II	Cán bộ quản lý	3			3	0	0		0	0	3	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1	0	0	
2	Phó hiệu trưởng	2			2				0	0	2				
III	Nhân viên	5			1	0	1	3							
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										

3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên nấu ăn	2						2							
6	Nhân viên bảo vệ	1						1							

Tân Dân, ngày 12 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Vân

TÀI LIỆU ĐÃ KÝ DUYỆT
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 10/10/2024
bởi Nguyễn Thị Vân (mmtid_nguyenvan) – Mầm non Tân Dân